

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ AN
(TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)

MÃ NGÀNH: 8220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4165/QĐ-NTT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH
MÃ NGÀNH: 8220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4165/QĐ-NTT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: English Linguistics

+ Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2024

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Ngoại ngữ

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, số 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12,
Tp. HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 – Ext: 432

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, người dự tuyển đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh phải có các điều kiện sau đây:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ:

Về văn bằng

Người học phải tốt nghiệp đại học;

- + Của ngành phù hợp: Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng
- + Của ngành gần hoặc ngành khác. Thí sinh tốt nghiệp các ngành gần hoặc ngành khác phải có chứng chỉ Ngoại ngữ tiếng Anh bậc 4 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ khác tương đương quy đổi theo quy định hiện hành; phải học và đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức được nêu trong *Bảng 1*.

Bảng 1. Các môn học bổ sung kiến thức

STT	Mã học phần	Môn học	Số tín chỉ
1	076883	Pronunciation (Luyện phát âm)	3
2	078342	Morphonology - Syntax (Hình thái học - Cú pháp học)	3
3	078343	Semantics (Ngữ nghĩa học)	2

Về trình độ ngoại ngữ

Yêu cầu đầu vào tương đương bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương đối với tất cả thí sinh dự tuyển.

Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
Kiến thức		
PLO1	K1	Vận dụng (Apply) được thế giới quan, phương pháp luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.
PLO2	K2	Vận dụng (Apply) được các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hoá, văn học, dịch thuật, đào tạo ngôn ngữ Anh để phục vụ việc nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.
PLO3	K3	Tổng hợp (Synthesize) được kiến thức hoàn thiện về văn hóa, xã hội Anh – Mỹ trong nghiên cứu khoa học cũng như trong việc phát triển các nghiệp vụ chuyên ngành và liên ngành.
Kỹ năng		
PLO4	S1	Thành thạo (Master) kỹ năng mềm và ngoại ngữ thứ hai để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.
PLO5	S2	Thành thạo (Master) các kỹ năng tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên ngành.
PLO6	S3	Thiết kế (Design) các giải pháp khả thi trong nghiên cứu khoa học và trong công việc thực tế liên quan đến chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	A1	Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.
PLO8	A2	Thể hiện (Perform) thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu, đưa ra sáng kiến quan trọng có tính đổi mới sáng tạo có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.

4. Các điều kiện bảo vệ đề án

- Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.

- Có đơn xin bảo vệ đề án thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ đề án.
- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ đề án đạt yêu cầu, có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

PEO1: Vận dụng kiến thức toàn diện, chuyên sâu về ngôn ngữ Anh và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại thực tế trong lĩnh vực ngành nghề để người học trở thành chuyên gia tại các doanh nghiệp/tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước.

PEO2: Vận dụng tư duy phân biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ năng nghiên cứu một cách sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp để người học đạt được các kỹ năng cần thiết để nghiên cứu, phát triển chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa.

PEO3: Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, thể hiện tinh thần học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
PEO2	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓
PEO3			✓	✓		✓	✓	✓

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).

Tổ chức Hội thảo/ Toạ đàm để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HV TN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
C1. Nghiên cứu về ngôn ngữ Anh và mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics) (3 tín chỉ)	13 môn	47 tín chỉ	78.3%
	Ngôn ngữ học tiếng Anh (English Linguistics) (3 tín chỉ)			
	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (3 tín chỉ)			
	Ngữ dụng học (Pragmatics) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Triết học (Philosophy) (3 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ học cấu trúc (Structuralism in Linguistics) (3 tín chỉ)			

	chỉ)			
	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics) (3 tín chỉ)			
	Phong cách học tiếng Anh (English Stylistics) (3 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose) (3 tín chỉ)			
	Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional Grammar) (3 tín chỉ)			
C2. Dịch thuật và nghiên cứu về dịch thuật	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics) (3 tín chỉ)	10 môn	42 tín chỉ	70%
	Dịch thuật (Translation Studies) (3 tín chỉ)			
	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) (3 tín chỉ)			
	Ngữ dụng học (Pragmatics) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung (Second Foreign Language - Chinese) (4 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Thực tập (Internship) (9 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			
C3. Đào tạo tiếng Anh và	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods	12 môn	47 tín	78.3%

nghiên cứu các vấn đề về đào tạo tiếng Anh	in Linguistics) (3 tín chỉ)		chỉ	
	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế chương trình (Curriculum Design and Materials Development) (3 tín chỉ)			
	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation) (3 tín chỉ)			
	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture) (3 tín chỉ)			
	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature) (2 tín chỉ)			
	Viết học thuật (Academic Writing) (3 tín chỉ)			
	Thực tập (Internship) (9 tín chỉ)			
	Đề án (Project) (9 tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

Hướng ứng dụng:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	7	11.6%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	35	58.4%
Thực tập (9 tín chỉ)	9	15%
Đề án (9 tín chỉ)	9	15%
Kiến thức khác (nếu có)	0	

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản		7	105	0
073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0
076815	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language) <i>Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:</i> -Tiếng Hàn - Korean Language - Tiếng Trung – Chinese Language - Tiếng Nhật – Japanese Language	4	60	0
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		35	480	90
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>26</i>	<i>345</i>	<i>90</i>
076833	Viết học thuật (Academic)	3	30	30

	Writing)			
076836	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	3	30	30
076837	Ngôn ngữ học tiếng Anh (English Linguistics)	3	45	0
076839	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	45	0
076842	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	45	0
076843	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture)	3	45	0
076844	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature)	2	30	0
076845	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	3	45	0
076846	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning)	3	30	30
<i>Các học phần lựa chọn (Chọn 3 trong 10 môn)</i>		<i>9</i>	<i>135</i>	<i>0</i>
076848	Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology)	3	45	0
076849	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy)	3	45	0
076850	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy (Curriculum Design and Materials Development)	3	45	0
076852	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and	3	45	0

	Assessment)			
076854	Dịch thuật (Translation Studies)	3	45	0
079556	Ngôn ngữ học cấu trúc (Structuralism in Linguistics)	3	45	0
072517	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	45	0
079557	Phong cách học tiếng Anh (English Stylistics)	3	45	0
079558	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose)	3	45	0
079559	Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional Grammar)	3	45	0
Thực tập và tốt nghiệp		18	0	540
076855	Thực tập (Internship)	9	0	270
076857	Đề án (Project)	9	0	270
Tổng cộng		60	585	630

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ I			13	165	60	245		
1	073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0	105	Elearning	Đánh giá tiến trình: chuyên cần, thảo luận nhóm, thuyết trình Đánh giá tổng

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
								kết: tiểu luận
2	076815	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language) <i>Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:</i> -Tiếng Hàn - Korean Language - Tiếng Trung – Chinese Language - Tiếng Nhật – Japanese Language	4	60	0	140	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: kiểm tra viết và vấn đáp
3	076833	Viết học thuật (Academic Writing)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết Chương 1 và 2 của một đề án)
4	076836	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết đề cương)

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	đề án)
HỌC KỲ II				210	0	490		
5	076837	Ngôn ngữ học Tiếng Anh (English Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
6	076839	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
7	076842	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	30	0	105	Thuyết trình, diễn	Đánh giá tiến trình: thuyết

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
8	076843	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
9	076844	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature)	2	45	0	70	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ III				210	30	510		
10	076845	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiêu luận
11	076846	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiêu luận
<i>Chọn 3 trong 10 môn</i>								
12	076848	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiêu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	
13	076849	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiểu luận
14	076850	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy (Curriculum Design and Materials Development)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
15	076852	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		Assessment)					vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	
16	076854	Dịch thuật (Translation Studies)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
17	079556	Ngôn ngữ học cấu trúc (Structuralism in Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
18	072517	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở,	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	kết: tiểu luận
19	079557	Phong cách học tiếng Anh (English Stylistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
20	079558	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
21	079559	Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		Grammar)					hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tổng kết: tiểu luận
HỌC KỲ IV			9	0	270	180		
22	076855	Thực tập (Internship)	9	0	270	180	Trải nghiệm thực tế	Viết báo cáo
HỌC KỲ V			9	0	270	180		
23	076857	Đề án (Project)	9	0	270	180	Làm đề án	Viết báo cáo Thuyết trình kết quả

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

T T	Mã học môn	Tên môn học	Học kỳ	Chuẩn đầu ra								
				PLO 1 K1	PLO 2 K2	PLO 3 K3	PLO 4 S1	PLO 5 S2	PLO 6 S3	PLO 7 A1	PLO 8 A2	
1	073318	Triết học	1	I								P
2	076815	Ngoại ngữ 2	1			I	I	I				P
3	076833	Viết học	1	I		I	I	I				P

									thuật
4	076836	Phuong pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học	1	I	I	P	I		P
5	076837	Ngôn ngữ học tiếng Anh	2	P	I		I	P	P
6	076839	Phân tích diễn ngôn	2	P	P	P	P		P
7	076842	Ngữ dụng học	2	P	P	P	P		P
8	076843	Ngôn ngữ và Văn hoá	2	M	P	P	P		P
9	076844	Ngôn ngữ và Văn học	2	M	P	P	P		P
10	076845	Thủ đặc ngôn ngữ thứ hai	3	M	M	P	M	P	
11	076846	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính	3	M	M	P	M	P	
12	076848	Phuong pháp đầy tiếng Anh cho người nước ngoài	3	M	M	P	M	M	M
13	076849	Phuong pháp đầy phát âm	3	M	M	P	M	M	M
14	076850	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy	3	M	M	P	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần
Triết học: 3 tín chỉ

15	076852	Phương pháp kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	3	M		M	M	M	M	M		M
16	076854	Dịch thuật	3	M		M	M	M	M	M		M
17	079556	Ngôn ngữ học cấu trúc (Structuralis m in Linguistics)	3	M	M	P	M	M	M	M		M
18	072517	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	M	M	P	M	M	M	M		M
19	079557	Phương pháp học tiếng Anh (English Stylistics)	3	M	M	P	M	M	M	M		M
20	079558	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose)	3	M	M	P	M	M	M	M		M
21	079559	Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional Grammar)	3	M	M	P	M	M	M	M		M
22	076855	Thực tập	4		M	M	M	M	M	M		M
23	076857	Đề án	4		M	M	M	M	M	M		M

Học phần này nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.

Học phần này bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 7 bài, với thời lượng 45 tiết, trong đó học viên được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Bài 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Bài 2: Khái luận về triết học phương Đông; Bài 3: Khái luận về triết học phương Tây; Bài 4: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật biện chứng; Bài 5: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật lịch sử; Bài 6: Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Bài 7: Triết học về con người.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngoại ngữ 2: 4 tín chỉ

Tiếng Hàn

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ Topik cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ Topik cấp độ 4.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 giờ lý thuyết, 140 giờ tự học.

Tiếng Trung

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ HSK cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ HSK cấp độ 4 và HSKK (Khẩu ngữ) trung cấp.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 giờ lý thuyết, 140 giờ tự học.

Tiếng Nhật

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ N4, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ N3.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 giờ lý thuyết, 140 giờ tự học.

Viết học thuật: 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm hai phần chính:

(i) Viết học thuật: phần này giúp học viên củng cố kiến thức cơ bản về ngữ đoạn (phrases), mệnh đề (clauses), câu (sentences), đoạn văn (paragraphs) và bài luận (essays)

trong tiếng Anh và các vấn đề ngôn ngữ trong viết học thuật (language issues); và giới thiệu khái niệm viết học thuật, các đặc điểm và yêu cầu của viết học thuật;

(ii) Ứng dụng kỹ năng viết học thuật: phần này hướng dẫn học viên cách đề cương cho đề án; đồng thời học viên có cơ hội thảo luận, làm bài tập, và thực hành viết đề cương cho đề án thạc sĩ - đây là bước nền tảng giúp học viên có khái niệm tổng quan về yêu cầu của đề án thạc sĩ, từ đó học viên có thể thiết lập lộ trình chuẩn bị cho việc thực hiện viết đề án sau này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành và 90 giờ tự học.

Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học: 3 tín chỉ

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học có hệ thống và chuyên nghiệp ở nhiều lĩnh vực. Cụ thể, học phần giúp học viên phân biệt các loại nghiên cứu, hướng dẫn cách đặt câu hỏi nghiên cứu, khảo cứu tài liệu, phát triển giả thuyết và khung lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp và phân tích dữ liệu định tính và định lượng. Học phần còn giúp học viên có khả năng tổng hợp các nội dung này vào chiến lược nghiên cứu một cách hợp lý.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành và 90 giờ tự học.

Ngôn ngữ học tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần này giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực trọng tâm của ngôn ngữ học tiếng Anh như cú pháp học, ngữ âm học, âm vị học, ngữ nghĩa học, hình thái học. Học phần này còn giúp học viên tiếp cận với những nghiên cứu mới nhất về từng lĩnh vực ngôn ngữ nêu trên; qua đó, học viên sẽ có sự hiểu biết sâu hơn về hệ thống ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngôn ngữ học tiếng Anh, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy Ngôn ngữ học tiếng Anh.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Phân tích diễn ngôn: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các cách tiếp cận với việc phân tích diễn ngôn đối với văn bản nói và viết. Cụ thể, học viên được tiếp cận với các yếu tố ảnh hưởng đến ý nghĩa của người nói/người viết. Qua đó, học viên có thể liên hệ với việc giảng dạy Tiếng Anh cũng như với việc dịch thuật Anh-Việt. Học phần này bao gồm các chủ đề tổng quan về phân tích diễn ngôn, và các kiến thức nền tảng về phân tích diễn ngôn như là văn bản và mối quan hệ của văn bản với văn hoá (discourse and its relation to culture), thế giới quan và hệ tư tưởng (worldviews and ideology), cấu trúc văn bản (discourse structure), và văn bản và phương tiện (discourse and medium).

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngữ dụng học: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các thuật ngữ và khái niệm chính trong lĩnh vực ngữ dụng học, các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngữ dụng học, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy ngữ dụng học. Đồng thời, học phần này còn bao gồm các vấn đề về ngữ dụng học trong giao tiếp liên văn hóa nhằm nâng cao nhận thức của học viên về ngữ dụng học của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, cũng như các ngôn ngữ khác.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngôn ngữ và Văn hoá: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Từ đó, học viên sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về lịch sử phát triển của ngữ học văn hóa (cultural linguistics), về ngữ học sắc tộc (ethnolinguistics), về giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication), về sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa ... Qua đó, học viên sẽ có nhận thức cao hơn về mối quan hệ phức tạp giữa ngôn ngữ và văn hóa, thông qua yếu tố ngôn ngữ để hiểu hơn về văn hoá và thông qua yếu tố văn hoá để hiểu hơn về ngôn ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngôn ngữ và Văn học: 2 tín chỉ

Học phần này giúp học viên làm quen với phong cách viết và hướng dẫn học viên cách áp dụng kiến thức ngôn ngữ học vào việc phân tích văn chương. Trước tiên, học viên sẽ được ôn lại các kiến thức trọng tâm về ngôn ngữ học, sau đó sẽ được hướng dẫn cách thức phân tích các tác phẩm văn chương bằng kiến thức ngôn ngữ học đã có. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận với phong cách phê bình văn chương, với nhiều thể loại văn chương gắn liền với các nền văn hoá khác nhau từ thơ ca và các tác phẩm văn học đương đại đến truyện tranh và quảng cáo. Nhờ đó, học viên sẽ nắm vững cả 2 lĩnh vực: ngôn ngữ học và văn chương.

uyện tranh và quảng cáo. Nhờ đó, học viên sẽ nắm vững cả 2 lĩnh vực: ngôn ngữ học và văn chương.

h và quảng cáo. Nhờ đó, học viên sẽ nắm vững cả 2 lĩnh vực: ngôn ngữ học và văn chương.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết và 70 giờ tự học.

Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các học thuyết chính về thụ đắc ngôn ngữ hai từ nhiều góc nhìn. Học phần bao quát các quan điểm hiện đại về thụ đắc ngôn ngữ hai, gồm quan điểm, phạm vi và cách từng quan điểm nhìn nhận về ngôn ngữ, người học, và

quá trình thụ đắc ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn học viên cách thức áp dụng các học thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào việc dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính: 3 tín chỉ

Học phần này giới thiệu cho học viên nhiều vấn đề có liên quan đến việc học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (CALL). Cụ thể, học phần này nghiên cứu các khía cạnh cốt lõi của CALL, cung cấp cho học viên nhiều thông tin, tài liệu và tài nguyên hữu ích cho giáo viên, nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu và đặc biệt là người học ngôn ngữ. Thông qua các hoạt động thảo luận, học viên hiểu rõ hơn về vai trò của máy tính trong học ngôn ngữ và cách thức sử dụng máy tính trong việc học ngoại ngữ một cách hiệu quả.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành và 90 giờ tự học.

Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài: 3 tín chỉ

Học phần này bao quát các vấn đề chính trong dạy ngữ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc, kỹ năng viết, kỹ năng nói, và kỹ năng nghe. Học phần hướng dẫn cho học viên cách vận dụng kết quả nghiên cứu hiện đại về phương pháp dạy tiếng Anh vào lớp học, nhấn mạnh những ảnh hưởng của kiến thức hiện đại trong việc dạy học, và tìm hiểu ý nghĩa của “methods” và “methodology” và ảnh hưởng của nhận thức, quan điểm, kiến thức của giáo viên trong việc dạy học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Phương pháp dạy phát âm: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc dạy phát âm tiếng Anh cũng như việc chọn giáo trình giảng dạy bộ môn phát âm. Cụ thể, học viên sẽ được giảng dạy lý thuyết chuyên sâu về ngữ âm học và những vấn đề liên quan đến phát âm tiếng Anh của người học. Đồng thời, học viên sẽ nghiên cứu sâu rộng và tìm hiểu một cách chi tiết các nguyên lý cốt lõi và phương pháp giảng dạy phát âm hiện đại, tính ứng dụng của những kết quả nghiên cứu hiện thời trong thực tiễn giảng dạy phát âm tiếng Anh. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội rèn luyện và phát triển kỹ năng giảng dạy bộ môn phát âm một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học.

c viên còn có cơ hội rèn luyện và phát triển kỹ năng giảng dạy bộ môn phát âm một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học.

viên còn có cơ hội rèn luyện và phát triển kỹ năng giảng dạy bộ môn phát âm một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc thiết kế, đánh giá và cải tiến chương trình tiếng Anh cũng như giáo trình giảng dạy. Cụ thể, học viên sẽ tìm hiểu và nghiên cứu về các loại khóa học, nội dung chương trình và giáo trình cũng như những nguyên lý cốt lõi trong thiết kế chương trình và phát triển tài liệu giảng dạy để có thể tự mình đánh giá các khóa học tiếng Anh và học liệu dựa trên những nguyên lý này. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội phát triển kỹ năng phân tích nhu cầu người học, xác định mục tiêu khóa học, nội dung dạy và học để có thể thiết kế chương trình và giáo trình một cách khoa học.

cầu người học, xác định mục tiêu khóa học, nội dung dạy và học để có thể thiết kế chương trình và giáo trình một cách khoa học.

cầu người học, xác định mục tiêu khóa học, nội dung dạy và học để có thể thiết kế chương trình và giáo trình một cách khoa học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Trước tiên, học viên được tiếp cận với những vấn đề thường gặp trong thực tế về kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ; qua đó, học viên sẽ hiểu hơn về các vấn đề thuộc lĩnh vực này. Cụ thể, học viên sẽ được hiểu về mục đích của kiểm tra đánh giá, cách thức kiểm tra đánh giá các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills), các kỹ năng sản sinh (productive skills) và các kỹ năng tương tác (interactive skills), cũng như các xu hướng hiện nay trong kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên được khuyến khích phát triển tư duy phê phán về kiểm tra đánh giá và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Dịch thuật: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận với các nghiên cứu mới nhất về dịch thuật, các vấn đề thường gặp trong dịch thuật và những giải pháp cho các vấn đề này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngôn ngữ học cấu trúc: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức về lịch sử phát triển trường phái cấu trúc luận trong ngôn ngữ học; về sự hình thành và phát triển của cấu trúc luận trong ngôn ngữ học; nêu ra những đóng góp của các trường phái cấu trúc luận trong việc nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngôn ngữ học ứng dụng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học tri thức về 3 bình diện của ngôn ngữ học ứng dụng là kí hiệu học ngôn ngữ, giáo dục ngôn ngữ và các dịch vụ thông tin ngôn ngữ. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức về phương pháp và kỹ năng trong phân tích, đánh giá từng bình diện, đồng thời định hướng cho người học thực hành các kỹ năng đó trong thực tế tiếng Việt và/ hoặc các ngoại ngữ khác.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Phong cách học tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu với người học một bức tranh tổng thể về lí thuyết và thực hành phong cách học tiếng Anh; giúp người học nghiên cứu và giải thích các tất cả các loại văn bản (cả văn bản nói và văn bản viết) về mặt phong cách ngôn ngữ và âm điệu. Phong cách ở đây là sự đa dạng của ngôn ngữ được sử dụng bởi các cá nhân khác nhau hay trong các tình huống và ngữ cảnh khác nhau; giúp người học lí giải hoặc thiết lập các nguyên lý nhằm giải thích những lựa chọn cụ thể của cá nhân và nhóm xã hội khi họ sử dụng ngôn ngữ như vậy. Bên cạnh đó, phong cách học tiếng Anh cũng đã và đang trở thành một phương pháp được đánh giá cao trong dạy và học ngôn ngữ, vì nó liên hệ chặt chẽ với một nguồn tài nguyên rộng lớn của hệ thống ngôn ngữ từ các tác phẩm kinh điển đến các văn bản phổ thông, từ các mẫu tin quảng cáo, đoạn tin tức, đến văn bản phi hư cấu thuộc văn hóa đại chúng lẫn nghị luận chính trị và tôn giáo. Hơn nữa, phong cách học cũng giúp người học hình thành khả năng vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ trong nhiều lĩnh vực của đời sống hằng ngày.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Tiếng Anh chuyên ngành: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của các chuyên ngành phổ biến và quan trọng trong giai đoạn hiện tại như tài chính – ngân hàng, môi trường, quản trị kinh doanh, công nghệ tự động, công nghệ thông tin, điều dưỡng vì đây là một trong những bộ môn hết sức quan trọng trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế thế giới của Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học các kỹ thuật khai thác bài đọc, tài liệu để người học hoàn thiện các kĩ năng nghe – nói, đọc – viết để ứng dụng ngôn ngữ vào việc phục vụ nhu cầu giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Ngữ pháp hệ thống chức năng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và nâng cao về học thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống; trong đó ngữ pháp được mô tả là các hệ thống với siêu chức năng chứ không phải là các quy tắc và ngôn ngữ được coi là phương tiện giao tiếp giữa con người với nhau trong các bối cảnh xã hội và văn hóa khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức về khung phân tích ngữ pháp và ý nghĩa theo 3 khía cạnh: diễn giải kinh nghiệm (thành phần ý tưởng), thể hiện các mối quan hệ xã hội đa dạng và phức tạp của con người (thành phần liên nhân), và thể hiện thông tin được cấu trúc trong câu và văn bản (chức năng văn bản). Ngoài ra, người học còn được thúc đẩy nâng cao nhận thức của mình về cách ngôn ngữ được sử dụng để truyền đạt ý nghĩa thông qua việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp trong các tình huống.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết và 105 giờ tự học.

Thực tập: 9 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế. Học viên sẽ được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tiên tiến trong hoặc ngoài nước, làm quen và tìm hiểu các công việc học viên có thể làm sau tốt nghiệp như dịch thuật và/hoặc nghiên cứu về dịch thuật, xây dựng và/hoặc nghiên cứu về chương trình đào tạo, giảng dạy và/hoặc nghiên cứu về giảng dạy tiếng Anh. Đây là cơ hội giúp học viên ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công việc; từ đó, học viên có cơ sở đầy đủ hơn, chính xác hơn cho việc xác hướng hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Thời lượng học phần này là 270 giờ thực hành và 180 giờ tự học.

Đề án: 9 tín chỉ

Học phần này nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu và thực hiện đề tài khoa học về chuyên ngành đã học sau khi hoàn thành các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học viên có thể thực hiện nghiên cứu về ngôn ngữ; mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học; dịch thuật và đào tạo tiếng Anh. Đây là tiền đề quan trọng để học viên lựa chọn nghề nghiệp của mình như nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh hoặc tiếp tục theo học bậc cao hơn.

Thời lượng học phần này là 270 giờ thực hành và 180 giờ tự học.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Công thương TPHCM	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Malaya, Malaysia	CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng của Trường Victoria, New Zealand	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 TC	60 TC	60 TC	84 TC	180 TC	Số tín chỉ của chương trình ĐH NTT bằng với 2 trường ở Việt Nam, nhưng ít hơn 2 trường nước ngoài; tuy nhiên, gần 90% thời lượng của chương trình nước ngoài là dành cho tự nghiên cứu.
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn hoặc số tín chỉ)	23 học phần	21 học phần	30 học phần	31 học phần	12 học phần	Số học phần của chương trình ĐH NTT tương đồng với 2 trường ở Việt Nam, ít hơn trường ĐH Malya nhưng nhiều hơn trường Victoria.
- Học phần đại cương/Khoa	2 học phần 7 TC	2 học phần 8 TC	1 học phần 4 TC	0	0	Số học phần đại cương của chương trình ĐH NTT bằng ĐH VL

học cơ bản						nhưng ít hơn của ĐH TDM, 2 trường nước ngoài không có học phần đại cương.
- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	12 môn 35 TC	16 môn 44 TC	14 môn 40 TC	15 môn 64TC	12 môn	Số học phần cơ sở và cốt lõi ngành trong chương trình ĐH NTT tương đồng với ĐH TDM và ĐH Victoria, ít hơn ĐH VL và ít hơn nhiều so với ĐH Melbourne.
- Thực tập và Đề án tốt nghiệp	Thực tập: 9 TC Đề án: 9 TC	Đề án: 8 TC	Đề án: 8 TC Thực tập: 8TC	Báo cáo NC: 7TC Luận văn: 12 TC	Học viên có thể chọn viết luận văn hoặc chỉ tích lũy tín chỉ - Luận văn: 30 TC	Trong chương trình ĐH NTT, thực tập là học phần bắt buộc, chiếm 15%; tại ĐH Công thương, thực tập là học phần tự chọn do nhà trường đào tạo theo 2 định hướng UD và NC, ĐH VL và 2 trường nước ngoài không có học phần thực tập. Trường ĐH NTT yêu cầu học viên làm đề án, 2 trường ở VN yêu cầu học viên làm luận văn, ở 2 trường nước ngoài,

						luận văn là học phần tự chọn.
- Học phần khác	0	0	0	0	0	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Dạy trực tiếp (Giao tiếp) Tự học, tự nghiên cứu					
Học phí toàn khoá	75 triệu	80 triệu	60 triệu	67.800 RM	46,000 NZD	Học phí của chương trình ĐH NTT thấp hơn ĐH VL, cao hơn ĐH Công thương TPHCM (trường công)
Thời gian đào tạo	2 năm, tối đa 4 năm	24 tháng, tối đa 48 tháng	1.5 năm đến 2 năm	2 năm	1.5 năm	Thời gian đào tạo giống nhau giữa các trường, riêng ĐH Victoria yêu cầu học viên có 2 năm kinh nghiệm làm việc nên thời gian đào tạo ít hơn.

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

- Học phần Triết học: Nhà trường tổ chức học chung cho học viên cao học ở tất cả các ngành học ở bậc thạc sĩ.
- Học phần Ngoại ngữ 2: Nhà trường tổ chức dạy tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc cho học viên cao học ở tất cả các ngành học ở bậc thạc sĩ. Học viên được miễn học ngoại ngữ nếu có chứng chỉ theo quy định.
- Các học phần cơ sở và cốt lõi ngành: Do khoa Ngoại ngữ phụ trách, được tổ chức giảng dạy trực tiếp trên lớp kết hợp với giảng dạy trực tuyến và E-learning.
- Học phần thực tập: Học viên được trải nghiệm thực tế chuyên môn trong môi trường quốc tế. Nếu vì lý do khách quan, việc thực tập không thể triển khai ở nước ngoài, học viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận với 1 trong những công việc có liên quan đến nội dung được đào tạo như nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
- g Anh.
- Học phần đề án: Học viên làm đề án dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Học viên chọn 1 đề tài có liên quan đến nội dung được đào tạo như nghiên cứu về ngôn ngữ và/hoặc các vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- Các học phần học trực tiếp: Học viên phải có điểm kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ:
 - Điểm đánh giá thường kỳ: Học viên được đánh giá trong quá trình thông qua nhiều hình thức như chuyên cần, bài tập. Điểm đánh giá thường kỳ chiếm 20%
 - Điểm đánh giá giữa kỳ: Học viên được đánh giá trong quá trình học thông qua nhiều hình thức như kiểm tra, bài tập nhóm, thuyết trình. Điểm đánh giá giữa kỳ chiếm 20%.
 - Điểm đánh giá cuối kỳ: Học viên được yêu cầu làm tiểu luận. Điểm đánh giá cuối kỳ chiếm 60%.
- Học phần thực tập: Học viên tham gia trải nghiệm và viết báo cáo thu hoạch.
- Học phần đề án: Học viên viết đề án và trình bày trước Hội đồng đánh giá.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu

Học viên viết báo cáo thu hoạch cho học phần Thực tập và Đề án theo hình thức, phong cách do Trường quy định.

4. Yêu cầu về cơ sở vật chất

- Phòng học được trang bị các thiết bị nghe nhìn, máy chiếu, loa, bàn ghế linh hoạt để thực hiện các hoạt động cặp, nhóm.
- Phòng Lab để học các môn đặc thù như Giảng dạy phát âm tiếng Anh, CALL.

 **HIỆU TRƯỞNG**

TS. TRẦN ÁI CẦM

TRƯỞNG KHOA

TS. HỒ VĂN HẬN